

Bản án số: 148/2024/DS-ST
Ngày: 24-9-2024
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Nhân;
- Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 840/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 480/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P (sau đây được viết tắt là Ngân hàng P); địa chỉ: số D (tầng trệt, tầng lửng, lầu 1, lầu 2 của tòa nhà) và số D, đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Duy K, sinh năm 1978; chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ; địa chỉ: số E, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 16/2023/UQ-CT.HĐQT ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng P và Giấy ủy quyền số 01/2024/GUQ-CNAG ngày 15/02/2024 của Giám đốc Ngân hàng P - Chi nhánh A); có mặt.

Bị đơn:

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: số D, tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: số D, tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1998; địa chỉ: số D, tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Trần Thị Kim Q, sinh năm 1999; địa chỉ: số D, tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Phạm Văn Đ2, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Cháu Phạm Thị Bảo Y, sinh ngày 04/12/2023; địa chỉ: số D, tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Thị Bảo Y: Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1998 và bà Trần Thị Kim Q, sinh năm 1999; địa chỉ: số D, tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; là cha, mẹ ruột của cháu Y; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, bà Phạm Thị M, ông Phạm Văn Đ và Ngân hàng P – Chi nhánh A (sau đây được viết tắt là Chi nhánh Ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số ST21037575/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 16/12/2021 và Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số ST21037575.01/2021/KUNN-OCB-CN ngày 17/12/2021. Theo đó, Chi nhánh Ngân hàng cho ông Đ, bà M vay số tiền 330.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 10,5%/năm, cố định trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ 4 bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng P công bố cộng biên độ tối thiểu 3,9%/năm, áp dụng lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh lãi định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức thanh toán là trả lãi định kỳ vào ngày 10 hàng tháng theo dư nợ thực tế; trả nợ gốc định kỳ vào ngày 10 hàng tháng; kỳ trả nợ gốc hàng tháng là 5.500.000 đồng; kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/01/2022.

Để đảm bảo khoản vay, bà M, ông Đ đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST21037575/2021/BĐ ngày 16/12/2021 giữa Chi nhánh Ngân hàng với bà M, ông Đ, được Văn phòng C chứng nhận ngày 16/12/2021, với tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 157,7m², thửa đất số 82, tờ bản đồ số 32, loại đất ở nông thôn, tọa lạc xã A, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

CH05186 ngày 31/3/2021 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Đ;

- Quyền sử dụng đất diện tích 223,6m² (gồm 140m² đất ở và 83,6m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 74, tờ bản đồ số 32, tọa lạc xã A, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04190 ngày 30/8/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Đ.

Ngân hàng P đã giải ngân cho bà M, ông Đ số nợ vay 330.000.000 đồng vào ngày 17/12/2021. Sau khi vay, bà M, ông Đ đã trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính từ ngày 10/01/2022 đến ngày 09/12/2023 với số tiền 201.426.029 đồng, trong đó, nợ gốc 132.000.000 đồng, nợ lãi 69.462.029 đồng. Tính đến ngày 09/02/2024, bà M, ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền 202.206.108 đồng, trong đó, nợ gốc 198.000.000 đồng, nợ lãi 4.206.108 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng P yêu cầu bà M, ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng P khoản nợ với số tiền tạm tính đến hết ngày 09/02/2024 là 202.206.108 đồng; trong đó, nợ gốc 198.000.000 đồng, nợ lãi 4.206.108 đồng; buộc bà M, ông Đ phải thanh toán lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số ST21037575/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 16/12/2021 kể từ ngày 10/02/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST21037575/2021/BĐ ngày 16/12/2021 giữa Chi nhánh Ngân hàng với bà M, ông Đ để đảm bảo thi hành án.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng tín dụng số ST21037575/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 16/12/2021, Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số ST21037575.01/2021/KUNN-OCB-CN ngày 17/12/2021, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST21037575/2021/BĐ ngày 16/12/2021 giữa Chi nhánh Ngân hàng với ông Đ, bà M (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05186 ngày 31/3/2021 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà M, ông Đ (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04190 ngày 30/8/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà M, ông Đ (bản sao) và các giấy tờ khác có liên quan.

- Bị đơn ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ1, bà Trần Thị Kim Q, ông Phạm Văn Đ2, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Thị Bảo Y vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Về số tiền mà bị đơn đã trả, tính từ ngày 10/01/2022 đến ngày 09/7/2024, ông Đ, bà M đã trả cho Ngân hàng P số

tiền 254.848.381 đồng, trong đó, nợ gốc 170.861.810 đồng, nợ lãi 83.986.571 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông Đ, bà M trả cho Ngân hàng P số nợ tạm tính đến hết ngày 24/9/2024 là 162.374.333 đồng; trong đó, nợ gốc 159.138.190 đồng, nợ lãi 3.236.143 đồng; tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số ST21037575/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 16/12/2021, kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST21037575/2021/BĐ ngày 16/12/2021 giữa Chi nhánh Ngân hàng với bà M, ông Đ để đảm bảo thi hành án. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc 38.861.810 đồng mà ông Đ, bà M đã thanh toán cho Ngân hàng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2021 giữa Ngân hàng với ông Đ, bà M được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được giải ngân xong với số tiền 330.000.000 đồng, theo Khế ước nhận nợ ngày 17/12/2021. Do ông Đ, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà M trả nợ theo hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2021 với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 24/9/2024 là 162.374.333 đồng; trong đó, nợ gốc 159.138.190 đồng, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi là 3.236.143 đồng; tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2021 kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ là có cơ sở xem xét.

Về biện pháp bảo đảm, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST21037575/2021/BĐ ngày 16/12/2021 giữa Chi nhánh Ngân hàng với bà M, ông Đ, được công chứng, đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật nên Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ theo Điều 323 Bộ luật Dân sự, Điều 49 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Ông Phạm Văn Đ1, bà Trần Thị Kim Q, cháu Phạm Thị Bảo Y, ông Phạm Văn Đ2 đang sống trong căn nhà trên quyền sử dụng đất thế chấp, đã được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có ý kiến nên quyền lợi của các đương sự này được giải quyết theo Án lệ số 11/2017/AL tại giai đoạn thi hành án.

Riêng số nợ gốc 38.861.810 đồng được ông Đ, bà M thanh toán trong quá trình giải quyết vụ án và Ngân hàng tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Cho nên, đề nghị đình chỉ theo Điều 217 Bộ luật Dân sự.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 49 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự: Công nhận hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng P với ông Đ, bà M; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P; buộc ông Đ, bà M trả cho Ngân hàng P số nợ 162.374.333 đồng; trong đó, nợ gốc 159.138.190 đồng, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 3.236.143 đồng; tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2021 kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST21037575/2021/BĐ ngày 16/12/2021 giữa Chi nhánh Ngân hàng với bà M, ông Đ để đảm bảo thi hành án. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số nợ gốc 38.861.810 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị M trả nợ vay. Ông Đ, bà M đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của Ngân hàng P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, bị đơn ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ1, bà Trần Thị Kim Q, ông Phạm Văn Đ2, cháu Phạm Thị Bảo Y cùng người đại diện hợp pháp của cháu Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Đ, bà M, ông Đ1, bà Q, ông Đ2, cháu Y cùng người đại diện hợp pháp của cháu Y vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà M, ông Đ1, bà Q, ông Đ2, cháu Y cùng người đại diện hợp pháp của cháu Y theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Hợp đồng tín dụng số ST21037575/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 16/12/2021 giữa Chi nhánh Ngân hàng với bà Phạm Thị M, ông Phạm Văn Đ được ký kết trên cơ sở tự nguyện; hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ

chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng tín dụng số ST21037575/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 16/12/2021, ông Đ, bà M được Ngân hàng giải ngân số tiền 330.000.000 đồng thông qua Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số ST21037575.01/2021/KUNN-OCB-CN ngày 17/12/2021. Sau khi vay, từ ngày 10/01/2022 đến ngày 09/7/2024, ông Đ, bà M đã trả cho Ngân hàng số tiền 254.848.381 đồng, trong đó, nợ gốc 170.861.810 đồng, nợ lãi 83.986.571 đồng. Cho nên, tạm tính đến hết ngày 24/9/2024, ông Đ, bà M còn nợ Ngân hàng P nợ gốc 159.138.190 đồng, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi là 3.236.143 đồng.

[4] Về biện pháp bảo đảm:

Để đảm bảo khoản vay, ông Đ, bà M đã thế chấp cho Chi nhánh Ngân hàng quyền sử dụng đất diện tích 157,7m², thửa đất số 82, tờ bản đồ số 32, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05186 ngày 31/3/2021 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà M, ông Đ và quyền sử dụng đất diện tích 223,6m², thửa đất số 74, tờ bản đồ số 32, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04190 ngày 30/8/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà M, ông Đ, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST21037575/2021/BĐ ngày 16/12/2021, được Văn phòng C chứng nhận ngày 16/12/2021 và được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh C1 vào ngày 17/12/2021. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do ông Đ, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà M trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết để đảm bảo thi hành án là phù hợp với nội dung hợp đồng thế chấp đã ký kết, quy định tại các Điều 293, 299, 320, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P; buộc ông Đ, bà M trả cho Ngân hàng P nợ gốc 162.374.333 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 24/9/2024 là 3.236.143 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số ST21037575/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 16/12/2021, kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ; duy trì việc thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST21037575/2021/BĐ ngày 16/12/2021 giữa Chi nhánh Ngân hàng với ông Đ, bà M để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với số nợ gốc 38.861.810 đồng mà ông Đ, bà M thanh toán trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, Ngân hàng P tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc này. Cho nên, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc 38.861.810 đồng theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ông Phạm Văn Đ1, bà Trần Thị Kim Q, cháu Phạm Thị Bảo Y, ông Phạm Văn Đ2 đang sống trên quyền sử dụng đất thế chấp diện tích 157,7m², thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 32. Do các ông, bà Đ1, Q, Đ2, cháu Y cùng người đại diện hợp pháp của cháu Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết việc các ông, bà Đ1, Q, Đ2, cháu Y sinh sống trên quyền sử dụng thế chấp.

[7] Về chi phí tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Ngân hàng P đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 500.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P được chấp nhận nên buộc ông Đ, bà M hoàn trả cho Ngân hàng P 500.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng P là 8.118.717 đồng.

Ngân hàng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí 5.055.000 đồng mà Ngân hàng P đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 293, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 157, 158, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P về việc yêu cầu ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị M trả nợ gốc 38.861.810 (ba mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm mười) đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

- Buộc ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P nợ gốc và nợ lãi của khoản vay như sau:

+ Nợ lãi tính đến hết ngày 24/9/2024: 3.236.143 (ba triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm bốn mươi ba) đồng, trong đó, nợ lãi trong hạn 3.061.993 (ba triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm chín mươi ba)

đồng, nợ lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi 174.150 (một trăm bảy mươi bốn nghìn, một trăm năm mươi) đồng;

+ Nợ gốc: 159.138.190 (một trăm năm mươi chín triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, một trăm chín mươi) đồng và tiền lãi phát sinh đối với số dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số ST21037575/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 16/12/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh A và ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị M, kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Duy trì việc thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST21037575/2021/BĐ ngày 16/12/2021 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh A với ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị M, được Văn phòng C chứng nhận số 13262, quyền số 22/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2021 và được đăng ký tại Văn phòng Đ3 – chi nhánh C1 ngày 17/12/2021 để đảm bảo cho việc thi hành án, đối với:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 157,7m², thửa đất số 82, tờ bản đồ số 32, loại đất ở nông thôn, tọa lạc xã A, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05186 ngày 31/3/2021 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Đ;

+ Quyền sử dụng đất diện tích 223,6m² (gồm 140m² đất ở và 83,6m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 74, tờ bản đồ số 32, tọa lạc xã A, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04190 ngày 30/8/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Đ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị M hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị M phải chịu 8.118.717 (tám triệu, một trăm mười tám nghìn, bảy trăm mười bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.055.000 (năm triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015166 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng Thương mại cổ phần P có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị M, ông Phạm Văn Đ1, bà Trần Thị Kim Q, ông Phạm Văn Đ2, người đại diện theo

pháp luật của cháu Phạm Thị Bảo Y được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình